

GRADE 8 – WORD FORM – PART – I - A

GRADE 8 - UNIT 7 - WORD FORM - PART - I			
NOUN	VERB	ADJECTIVE	ADVERB
absence	—	absent	absently
<i>/'æbsəns/</i>	—	<i>/'æbsənt/</i>	<i>/'æbsəntli/</i>
sự vắng mặt	—	vắng mặt	một cách lơ đãng
access	access	accessible	accessibly
<i>/'ækses/</i>	<i>/'ækses/</i>	<i>/'æk'sesəbl/</i>	<i>/'æk'sesəbli/</i>
quyền truy cập	tiếp cận	có thể tiếp cận	một cách dễ tiếp cận
aim	aim	aimed	—
<i>/eɪm/</i>	<i>/eɪm/</i>	<i>/eɪmd/</i>	—
mục tiêu	nhắm đến	nhắm vào	—
benefit	benefit	beneficial	beneficially
<i>/'benɪfɪt/</i>	<i>/'benɪfɪt/</i>	<i>/,benɪ'fɪʃl/</i>	<i>/,benɪ'fɪʃli/</i>
lợi ích	có lợi	có lợi	một cách có lợi
commerce	trade	commercial	commercially
<i>/'kɑ:mɜ:rs/</i>	<i>/treɪd/</i>	<i>/'kɑ:mɜ:rl/</i>	<i>/'kɑ:mɜ:rlɪ/</i>
thương mại	buôn bán	thuộc thương mại	một cách thương mại
conservation	conserve	conservative	conservatively
<i>/,kɑ:nsə'veɪʃn/</i>	<i>/'kɒn'sɜ:v/</i>	<i>/'kɒn'sɜ:rvətɪv/</i>	<i>/'kɒn'sɜ:rvətɪvli/</i>
sự bảo tồn	bảo tồn	bảo thủ	một cách bảo thủ
distribution	distribute	distributive	—
<i>/,dɪstrɪ'bju:ʃn/</i>	<i>/'dɪstrɪbjʊ:t/</i>	<i>/'dɪstrɪbjətɪv/</i>	—
sự phân phối	phân phối	thuộc phân phối	—
donation / donor	donate	—	—
<i>/'dɒnəʃn/ ; /'dɒnər/</i>	<i>/'dɒneɪt/</i>	—	—
sự quyên góp / người quyên góp	quyên góp	—	—
intention	intend	intentional	intentionally
<i>/'ɪn'tenʃn/</i>	<i>/'ɪntend/</i>	<i>/'ɪn'tenʃənl/</i>	<i>/'ɪn'tenʃənli/</i>
ý định	có ý định	cố ý	một cách cố ý

ownership	own	own	—
<i>/'ounərʃɪp/</i>	<i>/oun/</i>	<i>/oun/</i>	—
quyền sở hữu	sở hữu	thuộc về (own + N)	—
persuasion	persuade	persuasive	persuasively
<i>/pə'sweɪʒn/</i>	<i>/pə'sweɪd/</i>	<i>/pə'sweɪsɪv/</i>	<i>/pə'sweɪsɪvli/</i>
sự thuyết phục	thuyết phục	có sức thuyết phục	một cách thuyết phục
petition	petition	—	—
<i>/pə'tɪʃn/</i>	<i>/pə'tɪʃn/</i>	—	—
bản kiến nghị	kiến nghị	—	—
proposal	propose	proposed	—
<i>/prə'pəʊzl/</i>	<i>/prə'pəʊz/</i>	<i>/prə'pəʊzd/</i>	—
đề xuất	đề xuất	được đề xuất	—
protest	protest	protestive	—
<i>/'prəʊtest/ ; /prə'test/</i>	<i>/prə'test/</i>	<i>/prə'testɪv/</i>	—
sự phản đối	phản đối	thuộc phản đối	—
rejection	reject	rejected	—
<i>/rɪ'dʒekʃn/</i>	<i>/rɪ'dʒekt/</i>	<i>/rɪ'dʒektɪd/</i>	—
sự từ chối	từ chối	bị từ chối	—
signature	sign	signed	—
<i>/'sɪgnətʃər/</i>	<i>/saɪn/</i>	<i>/saɪnd/</i>	—
chữ ký	ký	đã ký	—
support	support	supportive	supportively
<i>/sə'pɔːrt/</i>	<i>/sə'pɔːrt/</i>	<i>/sə'pɔːrtɪv/</i>	<i>/sə'pɔːrtɪvli/</i>
sự hỗ trợ	hỗ trợ	ủng hộ	một cách ủng hộ
volunteering	volunteer	voluntary	—
<i>/'vɔːlən'tɪərɪŋ/</i>	<i>/'vɔːlən'tɪər/</i>	<i>/'vɔːlən'tɪəri/</i>	—
việc tình nguyện	tình nguyện	tự nguyện	—

I. Fill in the blanks with the correct forms of the words in brackets.

1. The _____ of the game is to score as many points as possible. (aim)
2. The movie was _____ worldwide by a major studio. (distribution)
3. The mistake was not _____. (intend)
4. The film studio tries to _____ its resources by reusing sets and costumes. (conservation)
5. The actors _____ promoted each other's performances during interviews. (support)
6. The _____ of natural resources is important for future generations. (conserve)
7. The building is _____ to people with disabilities. (access)
8. Please sign your name on the dotted line to add your _____. (sign)
9. The group was _____ the new policy of environment. (protest)
10. She is the proud _____ of a vintage car. (own)
11. The trailer was designed to _____ people to see the movie. (persuasive)
12. She used her powers of _____ to convince him to join the team. (persuade)
13. The contract was _____ by both parties. (signature)
14. She made a generous _____ to the charity. (donate)
15. The rise of online shopping has changed the face of _____. (commercial)
16. The studio _____ the director's initial cut of the movie. (rejection)
17. Eating vegetables is _____ for your health. (benefit)
18. The organization relies on _____ from its supporters. (donate)
19. Her _____ of his offer surprised everyone. (reject)
20. The film was _____ successful at the box office. (commerce)
21. The team needs your _____ to win the game. (supportive)
22. The movie was _____ educational as well as entertaining. (benefit)
23. The _____ of wealth in the world is unequal. (distribute)
24. The _____ of the film festival is to showcase independent films. (aim)
25. He was _____ from school due to illness. (absence)